BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. **Tên học phần: Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm giáo dục tiểu học**

(Training pedagogical profession at primary schools)

- **Mã số học phần:** SG122
- **Số tín chỉ học phần:** 02 tín chỉ
- **Số tiết học phần:** 30 tiết lý thuyết và 60 tiết tự học

**2. Đơn vị phụ trách học phần:**

- **Bộ môn:** Giáo dục Tiểu học – Mầm non
- **Khoa:** Khoa Sư phạm

**3. Điều kiện**

- **Điều kiện tiên quyết:** Không
- **Điều kiện song hành:** Không

**4. Mục tiêu của học phần**

| Mục tiêu | Nội dung mục tiêu | CĐR CTĐT |
|---|---|---|
| **4.1** | Kiến thức về nghiệp vụ sư phạm như: tâm lý học, giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn... và rèn luyện các kỹ năng sư phạm cơ bản và chuyên biệt | 2.1.3a,b,c |
| **4.2** | Khả năng phát triển được các kỹ năng nghề nghiệp; thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực | 2.2.1a,b,c |
| **4.3** | Kỹ năng sử dụng thiết bị công nghệ thông tin để thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học; kỹ năng phân tích, tổng hợp, phản biện và xử lí thông tin; kỹ năng giao tiếp, tự học và tự chủ | 2.2.2a,b |
| **4.4** | Hình thành các phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, trách nhiệm cá nhân trong học tập và nghiên cứu | 2.3a,b,c |

**5. Chuẩn đầu ra của học phần**

| CĐR HP | Nội dung chuẩn đầu ra | Mục tiêu | CĐR CTĐT |
|---|---|---|---|
| | **Kiến thức** | | |
| CO1 | Trình bày được các kiến thức về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và nội dung chương trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm | 4.1 | 2.1.3a |

| CĐR HP | Nội dung chuẩn đầu ra | Mục tiêu | CĐR CTĐT |
|---|---|---|---|
| CO2 | Thực hành được các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cơ bản và kỹ năng sư phạm chuyên biệt | 4.1 | 2.1.3b |
| CO3 | Phân tích được mối liên hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục học sinh tiểu học | 4.1 | 2.1.3c |
| | **Kỹ năng** | | |
| CO4 | Kết hợp được các kỹ năng nghiên cứu chương trình, thiết kế và tổ chức hoạt dạy học, giáo dục, quản lý lớp học; kiểm tra và đánh giá các hoạt động giáo dục trong nhà trường tiểu học | 4.2 | 2.2.1a,b |
| CO5 | Liên hệ được lí luận và thực tiễn trong công tác giảng dạy và giáo dục học sinh trong trường tiểu học | 4.2 | 2.2.1c |
| CO6 | Ứng dụng được công nghệ thông tin trong thiết kế kế hoạch dạy học; hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm, phản hồi thông tin, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, tự chủ và tự học | 4.3 | 2.2.2a,b |
| | **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | | |
| CO7 | Thể hiện tinh thần trách nhiệm và khả năng làm việc hợp tác trong quá trình làm việc nhóm; tác phong làm việc, học tập chuyên nghiệp | 4.4 | 2.3 a, b |
| CO8 | Xây dựng hình ảnh nhà giáo gương mẫu, tuân thủ các quy định của ngành | 4.4 | 2.3 c |

## 6. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm giáo dục tiểu học* nhằm hệ thống hóa các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên tiểu học thông qua các *kỹ năng sư phạm cơ bản* như giao tiếp ứng xử; xử lý tình huống sư phạm; thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cũng như tìm hiểu về trường tiểu học (giáo viên, học sinh, nhà trường...); *kỹ năng sư phạm chuyên biệt* như kỹ năng phân tích chương trình dạy học, kỹ năng tổ chức, đánh giá các hoạt động giáo dục và kỹ năng giảng dạy cho người học...

## 7. Cấu trúc nội dung học phần

| | Nội dung | Số tiết | CĐR HP |
|---|---|---|---|
| **Phần 1** | **Tìm hiểu về hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm ở tiểu học** | **4** | CO1; CO6 – CO8 |
| **Phần 2** | **Thực hành kỹ năng sư phạm cơ bản** | **16** | |
| **2.1.** | **Kỹ năng tiếng Việt** | **6** | CO2, CO4 - CO8 |
| 2.1.1 | Kỹ năng đọc | 2 | |
| 2.1.2 | Kỹ năng nói | 2 | |
| 2.1.3 | Kỹ năng viết | 1 | |

| | Nội dung | Số tiết | CĐR HP |
|---|---|---|---|
| 2.1.4 | Kỹ năng nghe | 1 | |
| **2.2.** | **Kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm** | **6** | CO3 - CO8 |
| 2.2.1 | Giao tiếp giữa GV - HS | 2 | |
| 2.2.2 | Giao tiếp giữa GV - PHHS | 2 | |
| 2.2.3 | Giao tiếp giữa GV - GV | 2 | |
| **2.3.** | **Kỹ năng tìm hiểu trường tiểu học** | **4** | |
| 2.3.1 | Hệ thống GDTH trong hệ thống GD quốc dân | 1 | CO3 - CO8 |
| 2.3.2 | Trường Tiểu học | 1 | |
| 2.3.3 | Giáo viên tiểu học | 1 | |
| 2.3.4 | Học sinh tiểu học | 1 | |
| **Phần 3** | **Thực hành kỹ năng sư phạm chuyên biệt** | **10** | |
| 3.1 | Thiết kế hoạt động rèn luyện kỹ năng NVSP | 4 | CO2, CO4 - CO8 |
| 3.2 | Thực hành | 6 | |

**8. Phương pháp giảng dạy**

- Phương pháp dạy học hợp tác, Phương pháp thảo luận nhóm
- Phương pháp hỏi đáp, diễn giảng, nêu vấn đề

**9. Nhiệm vụ của sinh viên:** Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học và 100% các tiết báo cáo nhóm.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Làm bài tập nhóm dưới sự phân công của giáo viên hướng dẫn
- Thực hành các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học các nhân và tự học cùng nhóm.

**10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

**10.1. Cách đánh giá:** Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

| TT | Điểm thành phần | Quy định | Trọng số | CĐR HP |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự 80% tiết lý thuyết và 100% giờ báo cáo nhóm. | 10% | CO7, CO8 |
| 2 | Điểm bài tập nhóm | - Tham gia báo cáo, thuyết trình đúng quy định. | 25% | CO1 - CO8 |
| 3 | Điểm bài tập cá nhân | - Thực hiện theo đúng yêu cầu và hướng dẫn của GV. | 15% | CO1 - CO8 |
| 4 | Điểm cuối kỳ | - Thi viết hoặc thi thực hành hoặc làm bài thu hoạch.<br>- Bắt buộc SV dự thi. | 50% | CO1 - CO6 |

**10.2. Cách tính điểm**

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

**11. Tài liệu học tập**

| Thông tin về tài liệu | Số đăng ký cá biệt |
|---|---|
| 1. *Giáo trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học:* Sách dùng cho hệ cử nhân Giáo dục tiểu học / Dương Giáng Thiên Hương (Chủ biên). - Hà Nội: NXb. Đại học Sư phạm, 2009.- 255 tr.; 24 cm - Sách photo.- 372/ H561 | MON.064698 |
| 2. *Chữ viết và dạy chữ viết ở tiểu học* / Lê A, 9786045414330.- 372.634/ A100 | SP.021058<br>SP.021059 |
| 3. *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học* II : Giáo trình dành cho hệ đào tạo cử nhân Giáo dục Tiểu học / Lê Phương Nga.- 372.6/ Ng100 | MON.043960<br>MOL.066921 |
| 4. Thông tư ban hành Điều lệ trường tiểu học năm 2020 (*https://luatvietnam.vn/giao-duc/thong-tu-28-2020-tt-bgddt-dieu-le-truong-tieu-hoc-190610-d1.html)* | Văn bản pháp quy |

**12. Hướng dẫn sinh viên tự học**

| Tuần | Nội dung | Lý thuyết (tiết) | Thực hành (tiết) | Nhiệm vụ của sinh viên |
|---|---|---|---|---|
| 1, 2 | **Phần 1: Tìm hiểu về hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm ở tiểu học** | **4** | | - SV đọc và nghiên cứu tài liệu số [1] – Mô đun 1 để tìm hiểu những vấn đề chung rèn luyện NVSP (trang 5 đến 8), giải thích một số khái niệm liên quan đến nghiệp vụ sư phạm, nội dung chương trình rèn luyện, mục tiêu và vai trò của nghiệp vụ sư phạm đối với sinh viên sư phạm. |
| | **Phần 2: Thực hành kỹ năng sư phạm cơ bản** | **16** | | |
| | **2.1. Kỹ năng TV** | **6** | | - SV đọc và nghiên cứu tài liệu số [1] – Chủ đề 4 (trang 63 – 93) để tìm hiểu những vấn đề chung liên quan đến |
| 3 | 2.1.1. Kỹ năng đọc | 2 | | |
| 4 | 2.1.2. Kỹ năng nói | 2 | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 5 | 2.1.3. Kỹ năng viết | 1 | | kỹ năng tiếng Việt cơ bản như nghe nói, đọc viết. |
| | 2.1.4. Kỹ năng nghe | 1 | | |
| | **2.2. Kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm** | **6** | | |
| 6 | 2.2.1. Giao tiếp GV - HS | 2 | | - SV đọc và nghiên cứu tài liệu số [1] – Chủ đề 3 (trang 36 – 63) để tìm hiểu những vấn đề chung liên quan đến kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm ở tiểu học giữa 03 đối tượng: GV, HS, PHHS.. |
| 7 | 2.2.2. Giao tiếp GV - PHHS | 2 | | |
| 8 | 2.2.3. Giao tiếp giữa GV - GV | 2 | | |
| | **2.3. Kỹ năng tìm hiểu trường tiểu học** | **4** | | |
| 9 | 2.3.1. Hệ thống GDTH trong hệ thống GD quốc dân | 1 | | - SV đọc và nghiên cứu tài liệu số [1] – Chủ đề 2 (trang 13 – 36) và tài liệu [4] để tìm hiểu những vấn đề chung liên quan trường tiểu học, cụ thể là những quy định về trường tiểu học, quyền và nghĩa vụ của GV và HS... |
| | 2.3.2. Trường Tiểu học | 1 | | |
| 10 | 2.3.3. GV tiểu học | 1 | | |
| | 2.3.4. HS tiểu học | 1 | | |
| | **Phần 3. Thực hành kỹ năng sư phạm chuyên biệt** | **10** | | |
| 11, 12 | 3.1. Thiết kế hoạt động rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm | 4 | | - SV đọc tài liệu số [1] – Mô đun 2, 3 và tài liệu [2], [3] để tìm hiểu các kỹ năng thực hành sư phạm chuyên biệt cụ thể là kỹ năng dạy học và kỹ năng giáo dục cho HS. |
| | 3.2. Thực hành giảng dạy | | | |
| 13 | Lớp 1 và Lớp 2 | 2 | | |
| 14 | Lớp 3 và Lớp 4 | 2 | | |
| 15 | Lớp 5 | 2 | | |

*Cần Thơ, ngày 15 tháng 9 năm 2022*

**TL. HIỆU TRƯỞNG**
**TRƯỞNG KHOA**

**Huỳnh Anh Huy**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**Trịnh Thị Hương**